

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 22/5/2022

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	11/8/2000	Nghệ An	6.3	8.0	879/QĐ190/2022	TH003619	
2	Vi Thị Linh Chi	Nữ	19/04/2000	Nghệ An	6.3	8.5	880/QĐ190/2022	TH003620	
3	Quang Thị Kim Chi	Nữ	14/03/1994	Nghệ An	6.3	6.5	881/QĐ190/2022	TH003621	
4	Phạm Thị Chinh	Nữ	24/6/1997	Thanh Hóa	6.7	8.0	882/QĐ190/2022	TH003622	
5	Nguyễn Đức Định	Nam	29/01/1998	Nghệ An	6.3	9.0	883/QĐ190/2022	TH003623	
6	Phạm Thị Hoa	Nữ	11/01/2000	Nghệ An	6.3	6.0	884/QĐ190/2022	TH003624	
7	Nguyễn Trọng Học	Nam	10/11/1997	Nghệ An	6.0	9.5	885/QĐ190/2022	TH003625	
8	Trần Văn Hùng	Nam	04/11/1997	Hà Tĩnh	7.0	8.0	886/QĐ190/2022	TH003626	
9	Lê Thị Ngọc Khánh	Nữ	03/9/2001	Nghệ An	6.3	7.0	887/QĐ190/2022	TH003627	
10	Phan Ngọc Linh	Nữ	18/9/2000	Nghệ An	6.3	8.5	888/QĐ190/2022	TH003628	
11	Nguyễn Thị Hương Ly	Nữ	09/12/2000	Nghệ An	6.0	7.5	889/QĐ190/2022	TH003629	
12	Lương Thị Na	Nữ	18/02/2000	Nghệ An	5.7	7.5	890/QĐ190/2022	TH003630	
13	Lê Quỳnh Nga	Nữ	20/10/1999	Nghệ An	6.3	8.5	891/QĐ190/2022	TH003631	
14	Lô Thị Ngân	Nữ	03/05/2000	Nghệ An	6.3	8.0	892/QĐ190/2022	TH003632	
15	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	23/07/1997	Nghệ An	7.3	9.0	893/QĐ190/2022	TH003634	
16	Trần Thị Thanh Ngọc	Nữ	15/05/1998	Hà Tĩnh	7.3	9.0	894/QĐ190/2022	TH003635	
17	Đặng Thị Ngọc	Nữ	29/07/1997	Thanh Hóa	5.7	8.5	895/QĐ190/2022	TH003636	
18	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nữ	10/07/1997	Lạng Sơn	6.7	9.0	896/QĐ190/2022	TH003637	
19	Hồ Công Quân	Nam	07/02/1998	Thanh Hóa	6.3	8.5	897/QĐ190/2022	TH003638	
20	Nguyễn Mai Sương	Nữ	10/06/1997	Nghệ An	7.0	8.5	898/QĐ190/2022	TH003639	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
21	Hà Văn Thạch	Nam	13/10/1997	Nghệ An	6.7	6.0	899/QĐ190/2022	TH003640	
22	Võ Hồng Thái	Nam	21/06/1997	Hà Tĩnh	6.7	8.5	900/QĐ190/2022	TH003641	
23	Nguyễn Đình Thái	Nam	08/03/1997	Thanh Hóa	6.3	8.5	901/QĐ190/2022	TH003642	
24	Hà Thị Thu Thảo	Nữ	16/07/2000	Thanh Hóa	6.3	7.0	902/QĐ190/2022	TH003643	
25	Cao Thị Phương Thảo	Nữ	15/08/2000	Quảng Bình	6.7	8.5	903/QĐ190/2022	TH003644	
26	Lương Thị Thìn	Nữ	13/05/2000	Nghệ An	6.7	8.0	904/QĐ190/2022	TH003645	
27	Đặng Thị Thơ	Nữ	16/04/2001	Nghệ An	7.7	9.5	905/QĐ190/2022	TH003646	
28	Nguyễn Duy Tiến	Nam	19/07/1998	Hà Tĩnh	6.7	9.0	906/QĐ190/2022	TH003647	
29	Ngô Văn Toàn	Nam	15/3/1987	Nghệ An	7.3	5.5	907/QĐ190/2022	TH003648	
30	Nguyễn Thị Trang	Nữ	27/11/1996	Nghệ An	7.3	7.5	908/QĐ190/2022	TH003649	
31	Nguyễn Thị Trang	Nữ	15/12/1997	Nghệ An	6.7	8.5	909/QĐ190/2022	TH003650	
32	Trần Duy Trường	nam	15/01/1973	Nam Định	6.3	7.0	910/QĐ190/2022	TH003651	
33	Lương Văn Tuyền	Nam	27/07/1998	Nghệ An	7.0	9.0	911/QĐ190/2022	TH003652	
34	Vi Thị Phương Uyên	Nữ	09/07/2000	Nghệ An	6.3	7.0	912/QĐ190/2022	TH003655	
35	Nguyễn Đình Việt	Nam	12/03/1998	Hà Tĩnh	6.3	8.0	913/QĐ190/2022	TH003654	

